

Chương III
TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

Bài 5
TRUNG QUỐC THỜI TẦN, HÁN
(1 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Giúp HS hiểu được :

– Trên cơ sở sản xuất phát triển, xã hội đã phân hoá thành hai giai cấp : địa chủ và nông dân. Xã hội phong kiến hình thành.

– Dưới triều nhà Tần, sau đó là nhà Hán, chế độ phong kiến đã được xác lập và phát triển. Bộ máy nhà nước phong kiến được hình thành từ trung ương đến các địa phương.

– Các vua Tần, Hán đều tiến hành chiến tranh xâm lược ; chiếm đất đai, của cải của các nước xung quanh, trong đó có lãnh thổ của người Việt cổ.

– Thời Tần, Hán : Nho giáo phát triển, là công cụ tinh thần để bảo vệ chế độ phong kiến.

2. Về tư tưởng, tình cảm

Hiểu mối quan hệ giữa lịch sử Trung Quốc và Việt Nam, qua đó có thái độ đúng đắn trong quan hệ hiện nay ; hiểu rõ những giá trị văn hoá to lớn của nhân dân Trung Quốc.

3. Về kĩ năng

– Biết phân tích trên cơ sở các sự kiện để rút ra kết luận (như sự phân hoá giai cấp dẫn đến hình thành quan hệ bóc lột).

– Dựa vào sơ đồ có thể trình bày được bài học và học bài qua sơ đồ.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Trước khi vào bài mới, GV giới thiệu rất khái quát các triều đại trong lịch sử Trung Quốc :

- Nhà Tần : 221 – 206 TCN
- Nhà Hán : 206 – TCN – 220
- Thời Tam quốc : 220 – 280
- Thời Tây Tấn : 265 – 316
- Thời Đông Tấn : 317 – 420
- Thời Nam – Bắc triều : 420 – 589
- Nhà Tùy : 581 – 618
- Nhà Đường : 618 – 907
- Thời Ngũ đại : 907 – 960
- Nhà Tống : 960 – 1279
- Nhà Nguyên : 1271 – 1368
- Nhà Minh : 1368 – 1644
- Nhà Thanh : 1644 – 1911.

- Khi giảng về sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc, GV cần giới thiệu sơ lược về sự phát triển của sản xuất từ thời Xuân Thu – Chiến Quốc. Từ sự phát triển sản xuất, của cải trong xã hội càng nhiều lên, xuất hiện sự giàu nghèo và phân hoá giai cấp. Các giai cấp mới hình thành và quan trọng là quan hệ bóc lột thay đổi – đó là quan hệ bóc lột của địa chủ với nông dân, thay thế cho quan hệ giữa quý tộc và nông dân công xã.

- Bộ máy nhà nước thời Tần, Hán thể hiện rõ tính chuyên chế trung ương tập quyền, vua có quyền tuyệt đối. Không những thế, Hoàng đế còn được coi như vua của các vua (Thiên tử).

- Về văn hoá, cần nói rõ quan điểm của Nho giáo qua tư tưởng tôn quân và vai trò của người cha trong gia đình.

2. Về phương pháp

- Bài này có nhiều khái niệm mới, do vậy GV cần tập trung giải thích để HS hiểu rõ thế nào là địa chủ, nông dân tự canh, nông dân lĩnh canh, tam cương, ngũ thường ...

- Sử dụng phương pháp phân tích kết hợp với các sơ đồ đã có trong SGK.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

GV nên chuẩn bị trước một niên biểu các triều đại và sơ đồ xã hội Trung Quốc thời Tần, Hán và một số tranh ảnh như : Vạn lý trường thành, lăng mộ của các hoàng đế... Có thể phóng to hai sơ đồ ở mục 1, 2 để treo trên bảng (hoặc GV tự vẽ lên bảng trong quá trình giảng bài).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

Dựa vào đoạn mở đầu của bài trong SGK.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Mục 1. Sự hình thành xã hội phong kiến

Có mấy ý cơ bản sau đây :

– Những tiến bộ trong sản xuất : việc sử dụng công cụ bằng sắt và tác dụng của nó ; kĩ thuật canh tác mới, giao thông và thặng lợi ; năng suất lao động tăng.

– Sự biến đổi trong xã hội :

+ Giai cấp địa chủ xuất hiện.

+ Nông dân bị phân hoá.

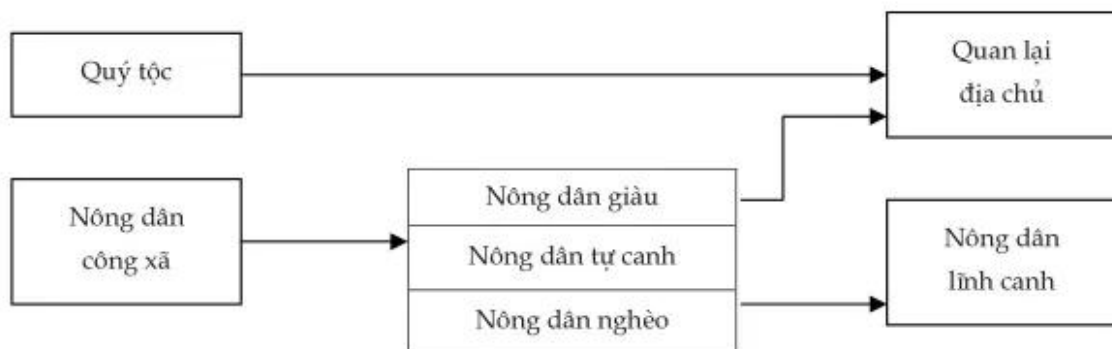
– Quan hệ phong kiến hình thành : Đây là hệ quả của những điểm nói trên. Nhấn mạnh về sự thay thế : quan hệ bóc lột của quý tộc với nông dân công xã trước đây đã phải nhường chỗ cho quan hệ bóc lột chủ yếu của địa chủ với nông dân lĩnh canh.

GV có thể giải thích :

– Khái niệm địa chủ : Họ vốn là những quý tộc cũ và những nông dân giàu có. Địa chủ nắm trong tay nhiều ruộng tư và có quyền thu tô ruộng đất đối với nông dân.

– Sự phân hoá của nông dân : Đây là những nông dân công xã, do sự phát triển của sản xuất và phân hoá xã hội, nông dân bị chia thành ba bộ phận : người giàu có thể mua và chiếm đất, trở thành địa chủ ; người giữ lại được ruộng đất là *nông dân tự canh* ; người bị mất ruộng phải nhận ruộng của địa chủ, gọi là *nông dân lĩnh canh*.

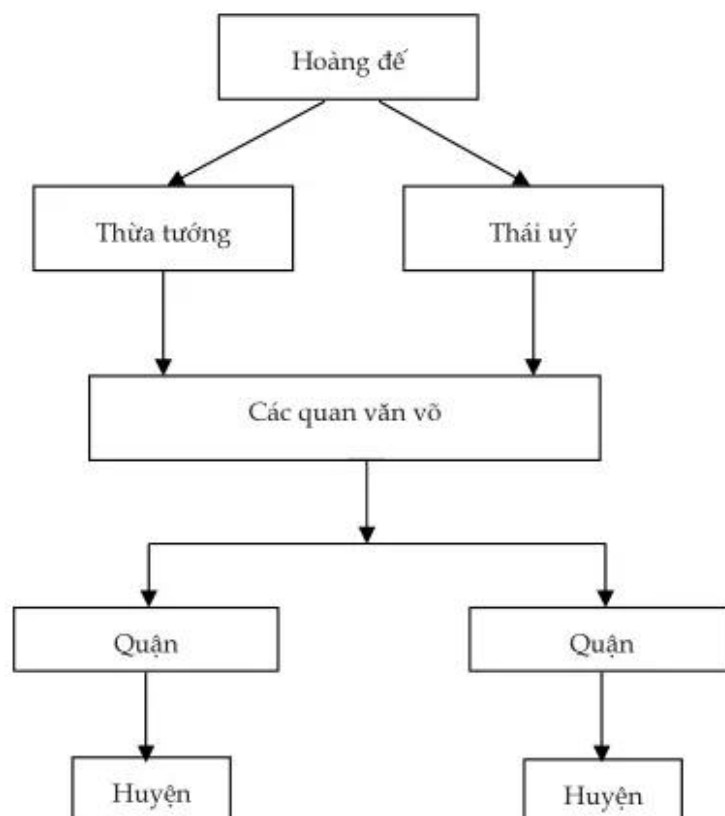
GV nên minh hoạ bằng sơ đồ sau :



Mục 2. Chế độ phong kiến thời Tần, Hán

Có mấy ý lớn, GV cần tập trung làm rõ :

- Trình bày sơ lược sự hình thành nhà Tần và nhà Hán.
- Ý quan trọng là trình bày tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến, GV vẽ theo sơ đồ sau và giải thích cho HS :



- Về xây dựng và phát triển kinh tế : Nhà Tần đã thống nhất tiền tệ, đơn vị đo lường, mở rộng giao thông. Nhà Hán chú trọng công tác thu thuế. Sản lượng nông nghiệp tăng, nghề thủ công phát đạt, buôn bán được mở rộng, một số thành thị trở nên sầm uất.

- Các vua Tần, Hán đẩy mạnh việc xâm lược lãnh thổ, chiếm đất đai (mở rộng ra vùng Trường Giang, sông Hoàng, sông Châu ; xâm lược Triều Tiên và lãnh thổ của người Việt cổ).

Mục 3. Văn hoá thời Tần, Hán

Chủ yếu nói về Nho giáo và giới thiệu sơ qua về văn học, sử học.

- Về Nho giáo, tập trung vào mấy ý cơ bản sau :

a) *Nho giáo là một trường phái tư tưởng xuất hiện từ thời cổ đại, do Khổng Tử sáng lập.*

GV có thể giới thiệu qua về Khổng Tử :

– Tên là Khâu, tự Trọng Ni (551 – 479 TCN), sống vào thời Xuân Thu có "Ngũ bá tranh hùng", khiến dân tình khổ sở, xã hội thối nát.

– Sống bằng nghề dạy học. Sau khi ông mất, học trò của ông đã sưu tập những bài giảng, câu nói của ông lúc sinh thời rồi biên soạn lại thành bộ sách "Luận ngữ", chứa đựng những quan điểm cơ bản của Nho giáo.

b) *Những thế kỉ đầu tiên, Nho giáo bị coi thường, thậm chí còn bị đàn áp (thời Tần). Sau, được giai cấp phong kiến thống trị đề cao. Vì thế, Nho giáo ngày càng được phát triển và hoàn thiện. Sự phát triển đó gắn liền với những tên tuổi Mạnh Tử, Đổng Trọng Thư, Trình Hạo, Trình Di, Chu Hi... Khổng Tử được tôn phong là thánh và được thờ.*

c) *Quan điểm cơ bản của Nho giáo là đảm bảo một tôn ti trật tự trong các quan hệ chủ yếu của xã hội : vua – tôi, cha – con, chồng – vợ, góp phần quan trọng vào việc duy trì, bảo vệ và củng cố chế độ phong kiến chuyên chế ở Trung Quốc. GV mở rộng giải thích cho HS khái niệm "Tam cương" và "Ngũ thường" :*

– *Tam cương* là ba cặp quan hệ *vua – tôi, cha – con, chồng – vợ*, trong đó vua là chỗ dựa (cương) của bề tôi, cha là chỗ dựa của con, chồng là chỗ dựa của vợ, vì vậy bề tôi phải phục tùng vua, con phải phục tùng cha, vợ phải phục tùng chồng.

– *Ngũ thường* là *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*. Quan niệm này vốn đã có trong tư tưởng Khổng Tử và Mạnh Tử, đến Đổng Trọng Thư thì mới ghép thành một hệ thống hoàn chỉnh.

d) *Càng về sau, cùng với sự suy vong của giai cấp phong kiến, Nho giáo có mặt tỏ ra bảo thủ, lỗi thời. Tuy vậy, yếu tố nhân đạo chủ nghĩa, khẳng định giá trị con người, ý thức về bốn phận đối với cộng đồng, với xã hội, sự quý trọng các quan hệ tinh thần... "là những tinh hoa còn lưu lại cho đến ngày nay".*

– Về văn học : nêu đôi nét về *phú* là thể loại đặc biệt của văn học.

– Về sử học : có *Sử kí* của Tư Mã Thiên, *Hán thư* của Ban Cố, *Hậu Hán thư* của Phạm Việp (Diệp)...

Tư Mã Thiên (145 – 86 TCN) sinh ở Thiểm Tây. Cha là một sử quan rất uyên bác của triều đình. Thuở nhỏ, Tư Mã Thiên học với cha, sáng dạ và chăm chỉ ;

lên 10 tuổi đã thông cổ văn, 20 tuổi bắt đầu du ngoạn khắp nước để tìm hiểu phong tục tập quán và sưu tầm tư liệu ; 41 tuổi, kế tục chức sử quan của cha và bắt đầu viết bộ *Sử kí* với 53 vạn chữ, viết về nhân vật (thế gia) và sự việc (liệt truyện), đặc biệt ở thời của ông và gần thời ông. Bộ *Sử kí* của Tư Mã Thiên đã để lại cho đời sau nhiều tài liệu lịch sử phong phú, tin cậy, đồng thời cũng là một kiệt tác văn học.

Các thành tựu sử học Trung Quốc với truyền thống tốt đẹp của nó (coi trọng tấm gương lịch sử, đề cao việc nói thật, chú ý khảo cứu chân xác...) đã có ảnh hưởng lớn đối với văn hoá Trung Quốc và với các nước xung quanh.

3. Sơ kết bài

– GV khái quát mấy ý sau đây : Vào những thế kỉ cuối TCN, xã hội phong kiến đã hình thành ở Trung Quốc ; nó được xác lập và phát triển dưới thời Tần, sau đó là thời Hán. Văn hoá phát triển, trong đó Nho giáo xuất hiện tương đối sớm.

– Bài tập về nhà, GV cho HS tìm hiểu những biểu hiện của tư tưởng Nho giáo còn tồn tại ở địa phương, nơi các em sinh sống.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

SÔNG ĐÀO ĐỒNG MỨC ĐẦU TIÊN

Sông đào đồng mức đầu tiên trên thế giới mang tên *Linh Cừ* (con kênh thần diệu) được xây tại Trung Quốc ở thế kỉ III TCN. Đó quả là một kì công rất lớn. Kênh do Ngự sử giám Lộc xây dựng theo lệnh của Tần Thủy Hoàng. Nó nhằm cải thiện việc tiếp tế cho các đạo quân của hoàng đế nhà Tần được phái xuống phương Nam vào năm 219 TCN để thôn tính các dân tộc Việt. Nhà viết sử vĩ đại Tư Mã Thiên đã kể lại :

"(Hoàng đế) phái Triệu Đà và Đồ Thư dẫn quân đi thuyền xuống phương Nam đánh chiếm đất đai của Bách Việt, lệnh cho Ngự sử giám Lộc đào sông để chở quân lương sâu vào nội địa Việt...".

Linh Cừ, hiện nay vẫn dùng được, chỉ dài hơn 32 km. Điều đặc sắc chủ yếu ở đây không phải là ở chiều dài (thật ra không có gì khác thường) của con kênh mà ở chỗ nó nối liền hai dòng sông chảy ngược chiều nhau nên đã cho phép các

thuyền bè có thể vận chuyển trên một tuyến đường thủy thông suốt, dài tới 2000 km, từ vĩ tuyến 40 đến vĩ tuyến 22.

Khó khăn cần khắc phục là ở chỗ hai con sông có chiều chảy ngược nhau : sông Tương, bắt nguồn từ núi Hải Dương chảy lên phía bắc, trong khi con sông gần đó là sông Li lại chảy về phía nam. Giả như ta có thể chuyển thuyền từ con sông này qua con sông kia ! Vì sông Tương đổ vào Trường Giang và sông Li nhập vào một chi lưu của Tây Giang chảy đến tận Quảng Châu với tên Châu Giang. Ở một địa điểm gần thôn Hưng An, hai con sông Tương và Li chỉ cách nhau một dãy đồi đá vôi dài không quá 5 km. Song không thể đơn giản nối thẳng hai con sông đó lại với nhau mà phải tìm một giải pháp khác.

Giữa các ngọn đồi này có một đèo ; qua đó có thể đào một con kênh. Nhưng hai con sông này có dòng chảy rất xiết, do đó phải đào một con kênh dài 2,4 km dọc theo sông Tương với độ dốc thấp hơn độ dốc của lòng sông Tương. Ở đầu kia, khoảng 22 km của con sông Li, phải được đào vét thông dòng để điều tiết dòng chảy và để cho thuyền bè qua lại được. Chỉ đến khi ấy mới có thể khởi công đào con kênh dài 50 km nối liền hai sông. Một vật cản hình mồm lợn được dựng lên giữa lòng sông Tương để chia tách dòng chảy và phân tán lưu lượng. "Đập chắn sóng" đó được hỗ trợ bằng hai đập tràn lớn nữa và nhiều đập tràn khác nhỏ hơn cũng được xây ở phía hạ lưu. Tại vùng Hưng An có nhiều cầu bắc qua con kênh này ; ở đó, sông rộng 4,5 km và sâu khoảng 10 m. Hệ thống phân thủy và đập tràn đã giảm bớt được 70% khối lượng nước của sông Tương khi chảy vào kênh, do đó không làm tràn ngập kênh.

Xây theo đường rìa của đèo nên con kênh hầu như đồng mức. Muộn nhất là vào thế kỉ I, kênh được đặt 18 cửa cống đơn để giảm bớt khu vực kéo sà lan, đồng thời điều tiết được dòng chảy và mực nước. Đến thế kỉ X – XI, những cửa cống đơn ấy được thay thế bằng âu thuyền. Con kênh diệu kì này trở thành một đường thủy thiêng liêng mà thần cai quản là con rồng.

Ngày nay, vắt ngang dòng kênh này là một chiếc cầu cho đường sắt chạy qua. Linh Cừ xưa hiện nay vẫn được sử dụng.

(Theo Tạp chí *Thông tin UNESCO*, tháng 10 – 1998)